

Số: 01/UV-CBNLTN

An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
DẪN Số: 15791
Ngày: 07/5/2026
Chuyển: Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về
Điều kiện hoạt động, giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 3491/SXD-QLCLCT ngày 17/04/2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Uy Vũ công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1 Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Uy Vũ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 1601978028 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 04 năm 2025, Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh An Giang

Địa chỉ: số 184 Lê Hoàn, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Người đại diện pháp luật: THÁI PHƯƠNG Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0939 49 52 86

Email: uyvu.sale@gmail.com - Website: uyvuag.vn

Mã số thuế: 1601978028

Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

1.2 Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng LAS-XD 1615

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 184 Lê Hoàn, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Trưởng phòng: NGUYỄN TẤN TÀI

Email: nguyentantaixdag@gmail.com

Điện thoại: 0938540833

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng mã số LAS-XD 1615 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 194/GCN-BXD ngày 20/09/2021).

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm/Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm/Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn	TCVN 13605:2023	Sàng thử nghiệm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tấn Tài - Thái Duy - Đoàn Ngọc Trọng - Võ Thanh Tú - Đoàn Trung Tín
2	Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa	
3	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn (điển hình), máy thử độ bền uốn, máy thử độ bền nén, giá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0.01 g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1 g), máy trộn, thùng lọc mẫu, khuôn Lơ Satolie	
5	Xác định độ nở sunphát của xi măng	TCVN 6068:2004	Khuôn (25,4x25,4x285,75mm), chày, dụng cụ đo chiều dài và thanh chuẩn, khay ngâm mẫu, máy trộn hành tinh, bộ sàng, bàn dẫn, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, đồng hồ bấm giây.	
II	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1: 06	Dụng cụ lấy mẫu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng
2	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 06	Cân kỹ thuật, bộ sàng (70;40;20; 10; 5; 2,5;	

			1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), tủ sấy	- Thái Duy
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4: 06	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật (0,01g), bình hút ẩm, tủ sấy, bếp cách cát hoặc cách thủy	
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 06	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật (0,01g), cân thủy tĩnh, bình hút ẩm, tủ sấy điều chỉnh được t ^o , thùng, chậu ngâm mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, bàn chải sắt	
5	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TCVN 7572-6: 06	Ổng đong các loại, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, thước lá, sàng (5 mm; 40 mm; 70mm)	
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 06	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy	
7	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	TCVN 7572-8: 06	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy điều chỉnh được t ^o , thùng rửa có vòi	
8	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 06	Cân kỹ thuật (0,01g), sàng 20mm, ống đong thủy tinh	
9	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy ép thủy lực, máy khoan, máy cưa đá, thước kẹp, thùng hoặc chậu ngâm mẫu.	
10	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy ép thủy lực, xi lanh bằng thép K75 và K100, cân, bộ sàng tiêu chuẩn, sàng 2,5 và 1,25mm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	
11	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Máy mài tang quay, cân thương nghiệp, tủ sấy điều chỉnh được to, bộ sàng tiêu chuẩn, sàng 1,25mm.	
12	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Cân thương nghiệp, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn.	
13	Khả năng phản ứng Kiềm + Silic	TCVN 7572-14:06	Cân kỹ thuật (0,01g), cân phân tích (0,0002g), tủ sấy có quạt gió và tự ngắt nhiệt độ đến 200	

			°C, lò nung 1100°C tự ngắt, búa, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn (5; 0,315; 0,14mm, bình phản ứng, bình điều nhiệt, máy hút chân không, chén bạch kim, chén sứ, giấy lọc định lượng không tro, hóa chất	
14	Hàm lượng ion clo (CL-)	TCVN 7572-15:06	Cân kỹ thuật (0,01g), cân phân tích (0,0001g), tủ sấy có quạt gió và tự ngắt to đến 200 °C, lò nung 1100°C tự ngắt, búa, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn (5; 0,315; 0,14mm hoặc sàng 4.75; 0,3; 0,15mm, Hóa chất	
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:06	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy điều chỉnh được to, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt hoặc kim nhôm, búa con	
16	Xác định hàm lượng mica trong cát	TCVN 7572-20:06	Tủ sấy, bộ sàng cát tiêu chuẩn (5; 2,5; 1.25; 0,63; 0,315; 0,14mm), giấy nhám, đĩa thủy tinh	
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn các loại, dụng cụ lấy mẫu	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022	Cồn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	
3	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Thùng kim loại 5, 15l (cao 186 và 267mm), thiết bị đầm (2800-3000 vg/ph, biên độ 0.35-0,5mm), Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá thép 400mm.	
4	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật (0,01g), sàng	

			5mm, thước lá kim loại, ống đong 50- 200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt
5	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật (0,1g), sàng (5, 1, 2: 0,15 mm), tủ sấy 200°C, khay sắt, khay sấy, xẻng xúc
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, hoặc bình tam giác, cân phân tích (0,01g), búa con, còi chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 200°C, sàng 2 hoặc 2,5mm, nước lọc, dầu hỏa, cồn 90o.
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật (0,1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200°C, khăn lau
8	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	Máy mài mòn (30±1 vg/ph), cân kỹ thuật (0.01g), thước kẹp, cát mài
9	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy 200°C.
10	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt paraffin, tủ sấy 200°C, giá ép mẫu
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén (6-4 daN/cm ² -s, thước lá kim loại, đệm truyền tải
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy thử uốn 50 tấn (0,6±0.4 daN/cm ² -s), thước lá kim loại
13	Bê tông cường độ cao thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014	Máy nén, khuôn đúc, Cân kỹ thuật, máy trộn, khuôn thử độ sụt
14	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy nén, khuôn đúc, Cân kỹ thuật, máy trộn, khuôn thử độ sụt
15	Cát mịn cho bê tông và vữa	TCVN 10796:2015	Máy nén, khuôn đúc, Cân kỹ thuật, máy trộn, khuôn thử độ sụt


16	Lựa chọn thành phần bê tông cát mịn	theo CDKT số 778/1998/QĐ-BXD ngày 05/09/1998	Máy nén, khuôn đúc, Cân kỹ thuật, máy trộn, khuôn thử độ sụt	
IV	VỮA			
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121 -1: 22	Cân kỹ thuật, bộ sàng (5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), tủ sấy	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
2	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121 -2: 22	Dụng cụ lấy mẫu. Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, dụng cụ súc, bình chứa, bay dao nề, máy trộn	
3	Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa	TCVN 3121-3: 22	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép (f10-12mm, dài 250mm), chảo sắt, xẻng con, bay thợ nề	
4	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp vữa	TCVN 3121-6: 22	Bình trụ bằng sắt (1000±2ml), chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật (1g), dao ăn, bay, chảo sắt	
5	Xác định khối lượng thể tích của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:22	Cân kỹ thuật (0,1g), cân thủy tĩnh, tủ sấy 105±5 °C, thước kẹp, parafin	
6	Xác định cường độ khi uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22	Khuôn 40x40x160mm, hoặc khuôn 70,7 x 70,7 x 70,7mm, máy nén thủy lực 5T (±2%), 2 tấm đệm bằng thép chày đầm, bộ khuôn gá lắp khi dùng khuôn 70,7 x 70,7 x 70,7mm)	
7	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22	Thiết bị kéo đứt (5-100kN), khoan ống (f50mm), máy mài, đá mài, bàn chải nhựa, chổi lông, dao thép, thước thép, cốc và dĩa để trộn keo, tấm thép hình vành khăn (f trong 10cm, f ngoài 20cm) dày 5mm, keo dán chuyên dùng.	
8	Xác định độ hút nước của vữa	TCVN 3121-18:22	Cân kỹ thuật (1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 105±5 °C, khăn lau	
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			

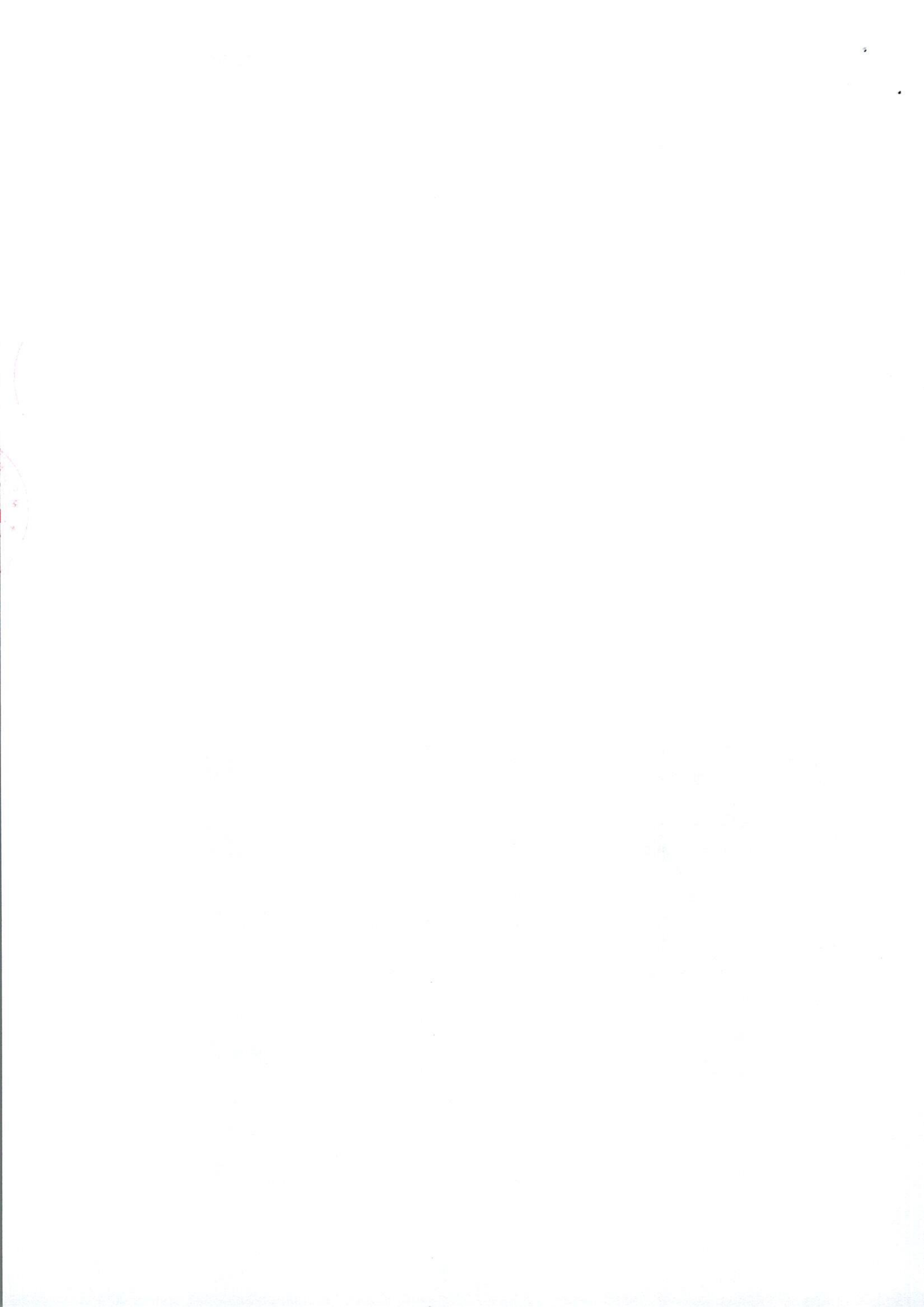
1	Hướng dẫn thu thập vận chuyển mẫu và lưu giữ mẫu đất	TCVN 7538:2010		
2	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195: 2012	- Nước cất, dầu hoả; Cân kỹ thuật (0,01 g); Bình tỷ (100cm ³); Cối sứ và chày sứ hoặc cối đồng và chày đồng; Rây có lưới N°2 (2mm); Bếp cát; Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; Bơm chân không có cả bình hút chân không; Tỷ trọng kế; Phễu nhỏ; Thiết bị ổn nhiệt; Cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có nắp.	
3	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012	Tủ sấy (to) đến 300°C, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có clorua canxi, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
4	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012	Quả dọi thẳng bằng (góc ở đỉnh 30° cao 25mm), 2 quả cầu bằng kim loại, thanh thép nối 2 quả cầu thành nửa vòng tròn (khối lượng 7610,2g. khuôn hình trụ kim loại không gỉ $f > 40\text{mm}$, cao $> 20\text{mm}$, các tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t°), bát sứ trắng men, dao để trộn – Dụng cụ Casagrande	
5	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198: 2012	Cân kỹ thuật (0,01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm). cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy (to), bình hút ẩm có	



			<p>clorua canxi, quả lê bằng cao su, dao con, cân (1g), máy sàng lác, cân phân tích, tỷ trọng kế (vạch 0,001), bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000cm³, f 60±2mm), nhiệt kế (0,5°C), que khuấy, đồng hồ bấm. máy rửa, ống hút (5cm³ và 50cm³), thước thẳng 20cm.</p>
6	Xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng	TCVN 4199: 2012	<p>Máy cắt một phẳng Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, loại B: lực cắt tác dụng gián tiếp, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy nén (cánh tay đòn), hộp để làm bão hòa nước, thiết bị giữ ẩm, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân (0,1.105N/m²....1.105N /m²)</p>
7	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200: 2012	<p>Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy (t°), cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01 mm).</p>
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012	<p>Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0,01g), sàng (5mm), bình phun nước, tủ sấy (to), bình hút ẩm có clorua canxi, hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), dao gạt đất, vò đập đất, khay (40x60cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su.</p>

9	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012	Cân kỹ thuật (0,01g), Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thước kẹp	
10	Đất, Đá Dăm Dùng Trong Công Trình Giao Thông đầm Nén Proctor	TCVN 12790:2020	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0,01g), sàng (5mm), bình phun nước, tủ sấy (to), bình hút ẩm có clorua canxi, hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), dao gạt đất, vò đập đất, khay (40x60cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su.	
11	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, cối đầm loại to (D=152,4 mm), chày đầm tiêu chuẩn, chày đầm cải tiến, cối CBR, tấm đệm, tấm đo - Trương nở, đồng hồ đo trương nở, giá đỡ thiên phân kế.	
VI	BÊ TÔNG NHỰA			
1	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm, thành phần hạt, hệ số độ chặt lu lèn, độ rỗng dư, độ rỗng cốt liệu, độ rỗng lấp đầy nhựa, độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860: 11	<ul style="list-style-type: none"> - Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ồng đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C2HC13, (NH4)2CO3 và các dụng cụ khác - Máy khoan mẫu BTN - Cân có độ chính xác 0,1% - Bể nước - Dây treo và giỏ đựng mẫu cân - Tủ sấy - Nhiệt kế - Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
VII	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG			

1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014/ TCVN 7937-2013	Máy kéo thủy lực vạn năng có cấp chính xác tối thiểu là cấp 1, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	 <p>- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy</p>
2	Xác định khả năng chịu uốn của kim loại	TCVN 198:2008	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (ê tô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ, ..)	
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn – phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ, ...	
4	Kiểm tra chất lượng hàn ống – thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	Máy nén thủy lực	
5	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	
6	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987	Máy dò khuyết tật bằng siêu âm	
7	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – PP dùng bột từ	TCVN 4396-1-2-3:2018	Bộ tạo sung điện, đầu dò, bộ khuếch đại	
8	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – PP thẩm thấu	TCVN 4617:2018	Máy siêu âm. tủ sấy, Máy hút chân không	
9	Kiểm tra siêu âm mối hàn	TCVN 165: 88	Máy dò khuyết tật bằng siêu âm	
10	Thử kéo bu lông-vít-đai ốc	TCVN 1916:1995	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	
VIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			



1	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020/ TCVN 8729:2012/8730:2012/ ASTM D2937	Dao dai tròn bằng thép hay đồng (dung tích >850cm ³), cân đĩa 15kg (1g), cân kỹ thuật (0,01g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazolin, chảo sậy, cùn, búa đồng loại 0,5kg, gỗ đệm	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy - Võ Thanh Tú - Nguyễn Duy Anh - Đoàn Trung Tín - Phan Anh Kiệt - Hà Quốc Quốc
2	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346: 06/ TCVN 8729:2012/TCVN 8730:2012/ AASHTO T 191	Dụng cụ đo dung trọng (bình 1galon hở có lỗ f12,7mm), phễu, van, cân kỹ thuật, cát chuẩn, thiết bị sấy, búa, búa chim, đục, xẻng, bay, túi bao đựng mẫu khô, xô, vải bạt	
3	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864: 11	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nêm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15mm	
4	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường mềm bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861: 11	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích (dầm khung ép), lực kế, chuyển vị kế.	
5	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 25	Cần đo võng, xe đo do khách hàng cung cấp (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.)	
6	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 11	Cát chuẩn, ống đồng, bàn xoa, thước, cân kỹ thuật (0,1g)	
7	Lấy mẫu bê tông bằng khoan, cắt từ cấu kiện	TCVN 12252-2020/TCXDVN 239:06	Máy khoan rút lõi, máy cắt bê tông, máy nén (6-4 daN/cm ² -s), thước lá kim loại, đệm truyền tải, Cân kỹ thuật (0,1g),	
8	Bê tông – kiểm tra và đánh giá cường độ trên mẫu đúc	TCVN 10303:2025	Tính toán – phân tích	
9	Bê tông – kiểm tra và đánh giá cường độ	TCVN 14524:2025	Tính toán – phân tích	

	độ trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn		
10	Bê tông cường độ cao cho kết cấu toàn khối – Kiểm tra và đánh giá chất lượng.	TCVN 14525:2025	Tính toán – phân tích
11	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335: 2012	- Máy siêu âm bê tông, mẫu chuẩn - Các thiết bị bật nảy và đe chuẩn
12	Phương pháp không phá hoại sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334: 2012	Các thiết bị bật nảy và đe chuẩn
13	Phương pháp không phá hoại sử dụng máy đo siêu âm để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 13536:2022	Máy siêu âm bê tông, mẫu chuẩn
14	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356: 12	Máy siêu âm bê tông, mẫu chuẩn
15	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 12	Máy đo điện trở KYORITU
16	Bể chứa bằng bê tông cốt thép	TCVN 5641: 12	Máy thủy bình, mia, thước đo, máy bơm nước
17	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398: 12	Máy thủy bình, máy toàn đạc
18	Xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354: 12	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích (dầm khung ép), lực kế, chuyển vị kế
19	Cọc – PP Thí nghiệm tải trọng tĩnh nén dọc trục	TCVN 9393: 12	Kích (dầm khung ép), lực kế, chuyển vị kế
20	Xác định lượng nhựa thấm bám đã	TCVN 8863:2011/ TCVN 8809-2011	Các khay bằng tôn mỏng

	dùng trên 1m2 bằng phương pháp đặt khay hứng nhựa		25x40x4cm, cân kỹ thuật và các dụng cụ phụ trợ...	
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
1	Xác định độ bền nén của gạch xây	TCVN 6355- 1:2009	Máy cưa, máy ép thủy lực 30 + 60 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
2	Xác định cường độ uốn của gạch xây	TCVN 6355- 2:2009	Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	
3	Xác định độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355- 3:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
4	Xác định khối lượng riêng của gạch xây	TCVN 6355- 4:2009	Búa con, cối chày sứ, sàng 0,2mm hoặc 900 lỗ/cm2, tủ sấy 200°C (không chế được nhiệt độ), bình hút ẩm, thìa con, cân kỹ thuật (500g 0,01g), bình cổ cao, dầu hỏa	
5	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355- 5:2009	Tủ sấy 200°C (không chế được nhiệt độ), cân kỹ thuật (1g), thước lá kim loại (1mm)	
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355- 6:2009	Cân kỹ thuật (1g), Thước lá (1mm), cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy hoặc mút (60x60) cm	
X	THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC			
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn nứt độ bền uốn gãy thân cọc thân cọc PC; PHC, độ bền uốn nứt thân cọc PHC dưới tải trọng nén dọc trục, Kiểm tra khả năng bền cắt thân cọc PHC, độ bền uốn mối nối	TCVN 7888: 2014	- Kính lúp, thước kẹp - Máy ép thủy lực - Bộ căn lá thép để kiểm tra vết nứt, độ dày của căn lá (0,02 ÷ 1,00) mm; - Thước thép hoặc thước thép cuộn, độ chính xác đến 1 mm.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy - Phan Anh Kiệt
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCC BÊ TÔNG			
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại	TCVN 6477:2016	Thước lá (1mm), máy nén, bay, chảo, các	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng



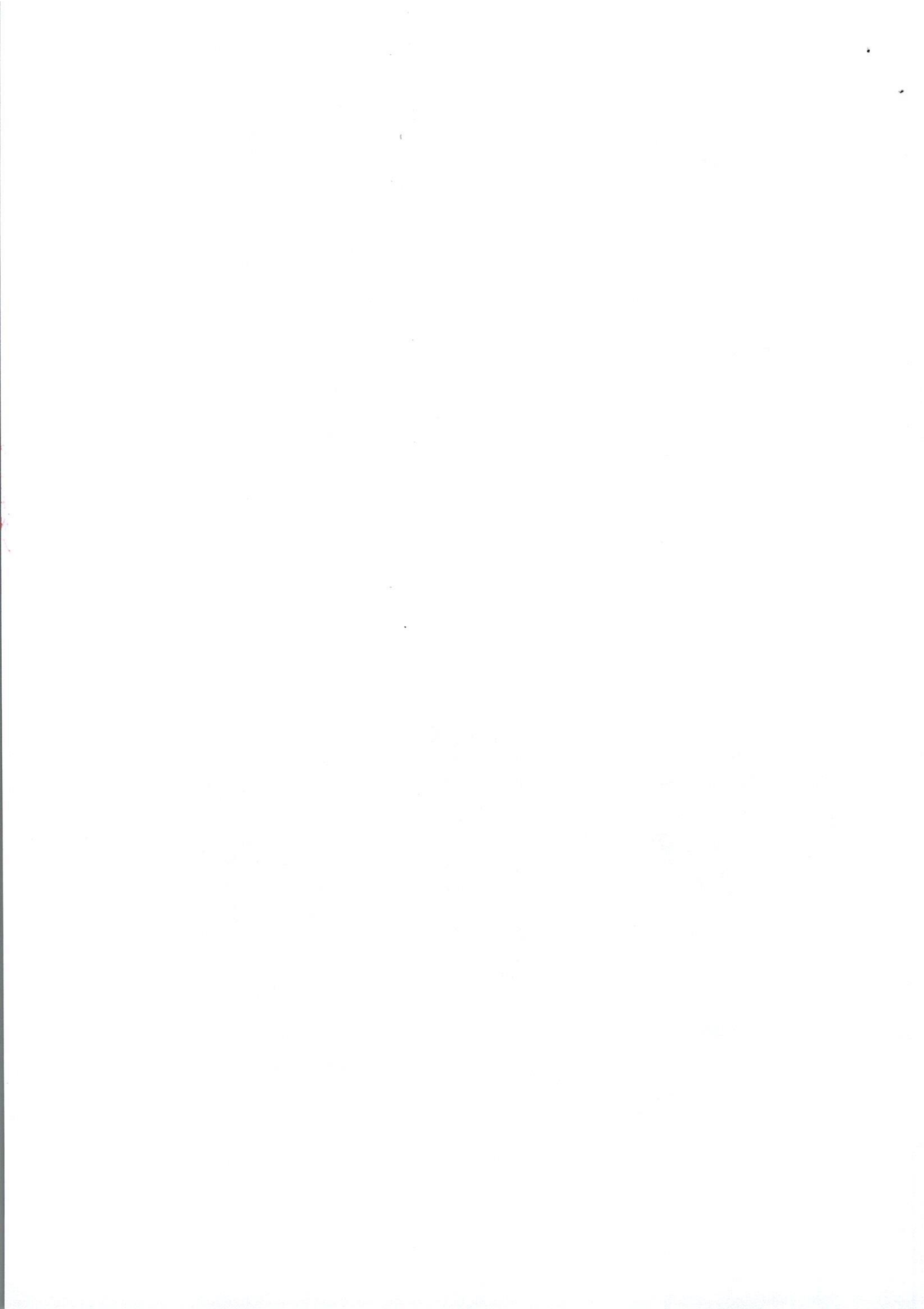
	quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ rỗng, Xác định độ hút nước, Xác định độ thấm nước		miếng kính, Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu, Dụng cụ thử thấm	- Thái Duy
XII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, xác định độ hút nước, xác định độ mài mòn	TCVN 6476:2016	Thước lá (1mm), máy nén, bay, chèo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày ≥ 15mm, Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu; Máy mài.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ÓP LÁT, GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN, TERAZZO			
1	Kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt, xác định cường độ uốn, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt	TCVN 6415:2016 TCVN 6065:1995 TCVN 7744:2013 TCVN 6355:2009	Thước lá (1mm), máy nén, bay, chèo, các miếng kính, các gờ đỡ, Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu, máy mài	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XIV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI ĐÁT SÉT NUNG			
1	Xác định kích thước, kích thước toàn phần, độ cong, tính cân đối hình dạng, độ vênh, độ đồng đều của mặt cắt ngang, lực uốn gãy, độ thấm nước, độ hút nước và khối lượng một mét vuông ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Thiết bị thử uốn có các gờ đỡ, Thước lá (1mm), Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu,	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI BÊ TÔNG			
1	Xác định chiều dài treo và độ vuông góc của ngói có cạnh trước đồng đều, xác định chiều rộng làm việc, độ phẳng mặt, xác định khối lượng, độ bền cơ học (lực uốn gãy), độ thấm nước, khả	TCVN 1453:2023	Thiết bị thử uốn có các gờ đỡ, Thước lá (1mm), Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu,	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy

	năng chống đỡ của vầu			
XVI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI GÓM TRẮNG MEN			
1	Khuyết tật ngoại quan và kích thước, Xác định độ hút nước, Xác định tải trọng uốn gãy, Xác định độ bền sức nhiệt	TCVN 9133:2011 TCVN 4313:2023. TCVN 6415 - 3:2016 TCVN 6415-9:2016	Thiết bị thử uốn có các gối đỡ, Thước lá (1mm), Cân kỹ thuật (0,1g), tủ sấy 105±5 °C, thùng ngâm mẫu,	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XVII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ỐNG CÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP			
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Thử khả năng chịu tải của công, Thử độ thấm nước của công	TCVN 9113: 2012	- Kính lúp, thước kẹp - Máy ép thủy lực - Bộ căn lá thép để kiểm tra vết nứt, độ dày của căn lá (0,02 ÷ 1,00) mm; - Thước thép hoặc thước thép cuộn, độ chính xác đến 1 mm.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy - Nguyễn Duy Anh - Đoàn Trung Tín
XVII I	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÓ VỈA BÊ TÔNG ĐÚC SẴN			
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ bê tông, khả năng chịu tải	TCVN 10797: 2015 TCVN 3118:2022	- Kính lúp, thước kẹp - Máy ép thủy lực - Bộ căn lá thép để kiểm tra vết nứt, độ dày của căn lá (0,02 ÷ 1,00) mm; - Thước thép hoặc thước thép cuộn, độ chính xác đến 1 mm.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XIX	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM GÓI CÔNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN			
1	Xác định cường độ bê tông, xác định kích thước, xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 3118:2022 TCVN 1079:2015	- Kính lúp, thước kẹp - Máy ép thủy lực - Bộ căn lá thép để kiểm tra vết nứt, độ dày của căn lá (0,02 ÷ 1,00) mm; - Thước thép hoặc thước thép cuộn, độ chính xác đến 1 mm.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
XX	THỬ NGHIỆM NÁP VÀ SONG CHẮN RÁC			

1	Xác định cường độ bê tông, xác định kích thước, xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 3118:2022 TCVN 10333-3:2014	- Kính lúp, thước kẹp - Máy ép thủy lực - Đồng hồ đo biến dạng - Bộ căn lá thép để kiểm tra vết nứt, độ dày của căn lá (0,02 ÷ 1,00) mm; - Thước thép hoặc thước thép cuộn, độ chính xác đến 1 mm.	- Nguyễn Tấn Tài - Đoàn Ngọc Trọng - Thái Duy
---	---	-------------------------------------	--	---

2.2. Danh mục máy móc, thiết bị:

S TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ	Kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất, Nước sản xuất	Tình trạng	Thời hạn hiệu chuẩn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	- Kiểu loại: WE-600B - Số hiệu: 50334 - Khả năng đo tối đa: 600 kN - Chỉ thị đồng hồ: 3 thang đo, giá trị độ chia 0,5kN.	2005 - Trung Quốc	Tốt	28-05-2026
2	Máy thử độ bền nén	- Kiểu loại: TYE-2000 - Số hiệu: 61144 - Khả năng đo tối đa: 2000 kN - Chỉ thị đồng hồ: 2 thang đo, giá trị độ chia 2,5kN.	2006 - Trung Quốc	Tốt	28-05-2026
3	Cân điện tử	- Kiểu loại: JWE-30K - Mức cân tối đa: 30 Kg - Mức cân nhỏ nhất: 0,02 Kg - Giá trị độ chia: 0,001 Kg.	N/A – Jaderver (Đài Loan)	Tốt	28-05-2026
4	Cân điện tử	- Kiểu loại: JWE-15K - Mức cân tối đa: 15 Kg - Mức cân nhỏ nhất: 0,02 Kg - Giá trị độ chia: 0,0005 Kg.	N/A - Jaderver (Đài Loan)	Tốt	28-05-2026
5	Tủ sấy	- Kiểu loại: 101-1 - Số hiệu: 6008 - Phạm vi nhiệt độ: 300°C - Giá trị độ chia: 1°C - Bộ hiển thị nhiệt độ: Chỉ thị hiện số - Kích thước trong: (350x450x450) mm.	2006 - Trung Quốc	Tốt	28-05-2026
6	Máy đo điện trở tiếp đất	- Kiểu loại: KEW 4105A - Số hiệu: E8365642 - Phạm vi đo: (0÷1999) Ω.	N/A – KYORITS U (Thái Lan)	Tốt	28-05-2026



7	Cân đo Benkelman	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu loại: N/A - Số hiệu: 044 - Đồng hồ so: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: N/A + Cơ sở sản xuất: Guogen + Số hiệu: 2295 + Phạm vi đo: 0 đến 10 mm + Giá trị vạch chia: 0,01mm. 	N/A - Việt Nam	Tốt	28-05-2026
8	Kích thủy lực 120 kN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu loại: N/A - Số hiệu: C3AV-BA747C321 - Khả năng tạo tải tối đa: 120 kN - Bộ bơm thủy lực: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: N/A + Số hiệu: 61998 - Đồng hồ đo áp suất: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: France + Số hiệu: 17014708 + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa + Giá trị vạch chia: 0,5 Mpa. 	N/A – N/A	Tốt	28-05-2026
9	Kích thủy lực 180 kN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu loại: N/A - Số hiệu: 315 - Khả năng tạo tải tối đa: 180 kN - Bộ bơm thủy lực: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: Việt Nam + Số hiệu: 61998 - Đồng hồ đo áp suất: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: MC - China + Số hiệu: 424694 + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa + Giá trị vạch chia: 1 Mpa. 	N/A - Việt Nam	Tốt	28-05-2026
10	Kích thủy lực 420 kN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu loại: N/A - Số hiệu: C556C - Khả năng tạo tải tối đa: 420 kN - Bộ bơm thủy lực: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: Việt Nam + Số hiệu: N/A - Đồng hồ đo áp suất: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: Germany + Số hiệu: C556C + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa 	N/A – N/A	Tốt	28-05-2026

		+ Giá trị vạch chia: 0,5 Mpa.			
11	Kích thủy lực 800 kN	- Kiểu loại: N/A - Số hiệu: C1006C - Khả năng tạo tải tối đa: 800 kN - Bộ bơm thủy lực: + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: Việt Nam + Số hiệu: N/A - Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: France + Số hiệu: 17014709 + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa + Giá trị vạch chia: 0,5 Mpa.	N/A – N/A	Tốt	28-05-2026
12	Kích thủy lực 2000 kN	- Kiểu loại: N/A - Số hiệu: 18410 - Khả năng tạo tải tối đa: 2000 kN - Bộ bơm thủy lực: + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: Việt Nam + Số hiệu: N/A - Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: China + Số hiệu: 18410A + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa + Giá trị vạch chia: 1 Mpa.	N/A - Việt Nam	Tốt	28-05-2026
13	Kích thủy lực 3000 kN	- Kiểu loại: HT-150 - Số hiệu: 665-8 - Khả năng tạo tải tối đa: 3000 kN - Bộ bơm thủy lực: + Kiểu: N/A + Nơi sản xuất: Việt Nam + Số hiệu: N/A - Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu: Lò xo ống + Nơi sản xuất: China + Số hiệu: N300MT + Phạm vi đo: (0÷60) Mpa + Giá trị vạch chia: 1 Mpa.	2020 - Việt Nam	Tốt	28-05-2026
14	Đồng hồ so	- Kiểu loại: 3058s-19 - Số hiệu: KKKU511 - Phạm vi đo: (0÷50) mm - Giá trị độ chia: 0,01 mm.	N/A - Mitutoyo (Nhật Bản)	Tốt	28-05-2026
15	Đồng hồ so	- Kiểu loại: 3058s-19 - Số hiệu: XWK725 - Phạm vi đo: (0÷50) mm - Giá trị độ chia: 0,01 mm.	N/A - Mitutoyo (Nhật Bản)	Tốt	28-05-2026

16	Đồng hồ so	- Kiểu loại: 3058s-19 - Số hiệu: HLM428 - Phạm vi đo: (0÷50) mm - Giá trị độ chia: 0,01 mm.	N/A - Mitutoyo (Nhật Bản)	Tốt	28-05-2026
17	Đồng hồ so	- Kiểu loại: 3058s-19 - Số hiệu: KKU531 - Phạm vi đo: (0÷50) mm - Giá trị độ chia: 0,01 mm.	N/A - Mitutoyo (Nhật Bản)	Tốt	28-05-2026
19	Thước cặp	- Kiểu loại: N/A - Số hiệu: 78200521623 - Phạm vi đo: (0÷200) mm - Giá trị độ chia: 0,02 mm - Chỉ thị: Khắc vạch.	N/A - Nhật Bản	Tốt	28-05-2026

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung tích, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm (số, ngày, đơn vị cấp, nội dung được đào tạo)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Tấn Tài	Kỹ sư (Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng)	Trưởng phòng thí nghiệm	- Chứng chỉ số: 42.154.23/VKH-CN-QLTN ngày 15/04/2023 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý phòng thí nghiệm; - Chứng chỉ số: 05.141.20/VKH-CN-TNV ngày 16/06/2020 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành XD công trình giao thông; - Chứng chỉ số: 43.K5.15/TNPH ngày 18/09/2015 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Thí nghiệm phá hủy; - Chứng nhận số: 1898/ĐT091.23 ngày 27/09/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Đào tạo về Phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp đất và phương	

				<p>pháp thử nghiệm độ bền cách điện.</p> <p>- Chứng nhận số: 0073/TNVL2025 - ĐHXDHN ngày 26/06/2025 của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đào tạo ngắn hạn thí nghiệm vật liệu công trình giao thông</p>	
2	Đoàn Ngọc Trọng	Kỹ sư (Công nghệ kỹ thuật Điện – điện tử)	Thí nghiệm viên	<p>- Chứng chỉ số: 36.155.23/VKHCN-TNV ngày 09/05/2023 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành giao thông;</p> <p>- Chứng chỉ số: 42.157.23/VKHCN-TNV ngày 21/08/2023 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành thử nghiệm tính chất cơ lý của cát, đá, gốm sứ.</p> <p>- Chứng nhận số: 0101/TNVL2025 - ĐHXDHN ngày 26/06/2025 của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đào tạo ngắn hạn thí nghiệm vật liệu công trình giao thông</p>	
3	Võ Thanh Tú	Kỹ sư (Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng)	Thí nghiệm viên	<p>- Chứng chỉ số: 95/2017/CNBDNV-CDMI ngày 21/08/2017 của Trung tâm phát triển Công nghệ Quản lý và Kiểm định Xây dựng, Đào tạo nghiệp vụ về Quan trắc công trình XD.</p>	
4	Nguyễn Duy Anh	Kỹ sư (Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng)	Thí nghiệm viên	<p>- Chứng chỉ số: 9008/2011/VKH-TNXD ngày 09/06/2011 của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý Bê tông và VLXD;</p> <p>- Chứng chỉ số: 95/2017/CNBDNV-CDMI ngày 21/08/2017 của Trung tâm phát triển Công nghệ Quản lý và Kiểm định Xây dựng, Đào tạo nghiệp vụ về Quan trắc công trình XD.</p>	
5	Thái Duy	Kỹ sư (Kỹ thuật công trình xây dựng)	Thí nghiệm viên	<p>- Chứng chỉ số: 04.K61.19/QLPTN ngày 08/05/2019 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Bồi dưỡng nghiệp vụ</p>	

				Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT; - Chứng nhận số: 0027/TNVL2025 - ĐHXDHN ngày 26/06/2025 của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đào tạo ngắn hạn thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	
6	Phan Anh Kiệt	Cao đẳng nghề (Kỹ thuật xây dựng)	Thí nghiệm viên	- Chứng nhận số: 5365/2009/VKH-TNXD ngày 26/06/2009 của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc.	
7	Đoàn Trung Tín	Cao đẳng nghề (Kỹ thuật xây dựng)	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ số: 01.141.20/VKH-CN-TNV ngày 16/06/2020 của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành XD công trình giao thông.	
8	Hà Quốc Quốc	Trung cấp (Kỹ thuật xây dựng)	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ số: 616.3/2005/VKH-TNXD ngày 19/10/2005 của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Thí nghiệm về các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường	

Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Uy Vũ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



Thái Phương